THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giằng co trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,341.86 điểm, đi ngang so với hôm qua. Số mã tăng và số mã giảm gần như bằng nhau, với 13/18 ngành giảm điểm, cho thấy dòng tiền có xu hướng tập trung vào một số nhóm ngành nhất định. Ngành Dầu khí giảm mạnh nhất. Ở chiều ngược lại, ngành Hàng cá nhân & gia dụng dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bất động sản,… Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Xu hướng giằng co quanh ngưỡng kháng cự cũ 1,340 chưa có dấu hiệu kết thúc.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 29/05/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

• VN-Index -0.01 điểm, đóng cửa tại 1341.86 điểm. HNX-Index +0.74 điểm, đóng cửa tại 224.3 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: VHM (+1.17), EIB (+0.52), VRE (+0.52), TCB (+0.50), NVL (+0.44).
• Kéo chỉ số giảm: CTG (-0.80), FPT (-0.44), HVN (-0.28), BSR (-0.25), GVR (-0.23).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 20,199 tỷ đồng, giảm -3.42% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,988 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 12.69 điểm. Thị trường có 163 mã tăng, 43 mã tham chiếu, 162 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -260.02 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm CTG (-136.06 tỷ), GEX (-110.30 tỷ), HPG (-81.57 tỷ), VHM (-75.12 tỷ), VIC (-73.41 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -4.47 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

• BSC30 -0.34%. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+1.59%) *(Link báo cáo)*
PDR (+1.45%) *(Link báo cáo)*
TCB (+0.98%) *(Link báo cáo)*
• BSC50 +0.48%. Các mã diễn biến tích cực:
HDC (+6.67%)
PNJ (+5.93%) *(Link báo cáo)*
EIB (+5.29%) *(Link báo cáo)*

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.34%	0.48%	0.00%	-0.04%
1 tuần	2.86%	3.96%	2.13%	1.56%
1 tháng	9.75%	9.83%	9.42%	9.30%
3 tháng	-4.82%	-4.61%	2.80%	5.54%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,341.86	224.30	98.62
% 1D	0.00%	0.33%	0.03%
GTKL (tỷ VND)	20,199	1,310	504
%1D	-3.42%	-19.84%	-46.11%
GDNN (tỷ VND)	-260.02	-4.47	-40.10

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NVL	290.70	CTG	-136.06
NLG	91.16	GEX	-110.30
EIB	75.50	HPG	-81.57
MSB	69.24	VHM	-75.12
PNJ	51.27	VIC	-73.41

Thị trường thế giới

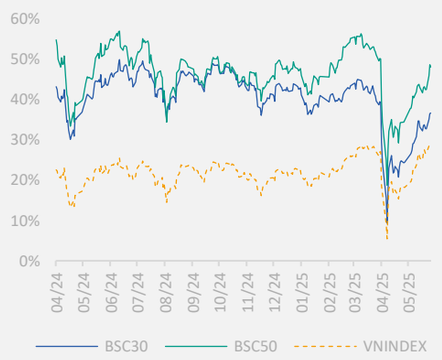
		%D	%W
SPX	5,889	-0.56%	-0.87%
FTSE100	8,716	-0.12%	-0.81%
Eurostoxx	5,414	0.60%	-0.06%
Shanghai	3,363	0.70%	-0.50%
Nikkei	38,433	1.88%	3.91%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.63	2.03%
Giá vàng	3,281	-0.44%
Tỷ giá		
USD/VND	26,210	0.27%
EUR/VND	30,081	-0.39%
JPY/VND	183	-0.54%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.2%	0.01%
LS LNH 1M	4.4%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

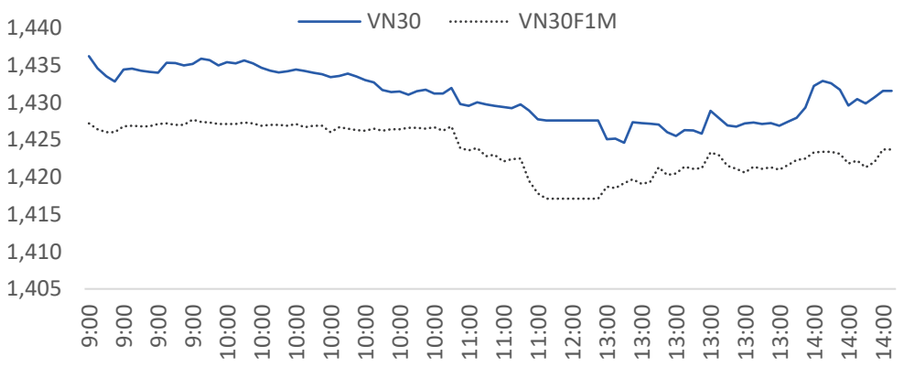
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Mở tài khoản tại BSC

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	76.90	1.59%	1.77
VRE	27.65	3.56%	1.31
TCB	30.80	0.98%	0.86
VPB	18.15	0.83%	0.37
STB	41.30	0.61%	0.30

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1416.10	-0.18%	146	58.7%	9/18/2025	112
VN30F2512	1419.40	0.28%	60	-41.2%	12/18/2025	203
41I1F7000	1422.00	0.03%	343	-46.6%	7/17/2025	49
VN30F2506	1423.70	0.18%	159,670	-7.7%	6/19/2025	21

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	117.10	-1.10%	-1.46
MSN	63.40	-0.78%	-0.57
SHB	13.60	-1.45%	-0.42
HDB	22.05	-0.90%	-0.32
CTG	38.90	-1.64%	-0.32

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định

• VN30 -0.62 điểm, đóng cửa tại 1431.57 điểm. Biên độ dao động 14.01 điểm. Các cổ phiếu như FPT, MSN, SHB, HDB, CTG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.

• Áp lực bán kéo chỉ số đóng cửa dưới tham chiếu. VN30 đóng cửa trong sắc đỏ với thanh khoản duy trì dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

• Các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2509.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2410	6/30/2025	32	37,700	-70.82%	2.19	1,470	20.5%	6.37	8.07	27.65	27.65
CVRE2505	10/23/2025	147	300	-54.29%	1.70	5,470	20.2%	12.99	12.64	27.65	27.65
CVIC2407	6/30/2025	32	20,800	-49.59%	4.90	8,800	18.0%	18.42	48.90	97.00	97.00
CVPB2508	9/19/2025	113	117,400	-82.88%	2.17	470	14.6%	8.01	3.11	18.15	18.15
CVPB2410	8/14/2025	77	3,200	-80.83%	2.10	460	12.2%	5.36	3.48	18.15	18.15
CVRE2408	8/14/2025	77	3,600	-63.80%	2.00	2,670	12.2%	8.56	10.01	27.65	27.65
CVPB2407	7/28/2025	60	704,600	-86.23%	2.10	100	11.1%	4.02	2.50	18.15	18.15
CVHM2508	11/19/2025	174	1,200	-62.69%	5.44	4,650	10.7%	14.32	28.69	76.90	76.90
CVRE2509	11/19/2025	174	1,300	-63.71%	2.16	1,970	10.7%	6.39	10.04	27.65	27.65
CVRE2406	7/28/2025	60	375,400	-61.30%	1.90	2,200	10.0%	6.44	10.70	27.65	27.65
CVRE2501	6/26/2025	28	1,500	-59.64%	1.80	3,120	9.9%	8.62	11.16	27.65	27.65
CVRE2407	11/4/2025	159	9,300	-50.60%	1.60	6,030	9.4%	13.04	13.66	27.65	27.65
CVPB2507	7/21/2025	53	87,100	-84.65%	2.07	360	9.1%	8.05	2.79	18.15	18.15
CVRE2510	12/19/2025	204	68,100	-65.24%	2.21	1,850	8.8%	6.37	9.61	27.65	27.65
CVRE2508	10/20/2025	144	52,600	-64.24%	2.09	1,950	8.3%	6.40	9.89	27.65	27.65
CVRE2503	10/27/2025	151	147,100	-56.53%	1.80	5,110	8.3%	12.94	12.02	27.65	27.65
CHPG2509	8/5/2025	68	18,100	-84.23%	2.80	410	7.9%	7.59	4.03	25.55	25.55
CVRE2506	7/21/2025	53	2,900	-62.60%	1.90	2,110	7.7%	6.44	10.34	27.65	27.65
CVPB2506	10/6/2025	130	70,400	-82.48%	2.02	580	7.4%	8.08	3.18	18.15	18.15
CVHM2509	12/19/2025	204	16,800	-60.06%	5.67	5,010	7.3%	14.28	30.72	76.90	76.90

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

• Trong phiên giao dịch ngày 29/05/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

• CVRE2410 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 20.49%. CTCB2503 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.68%.

• CVIC2405, CVIC2502, CVIC2503, CVHM2408, CVIC2505 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	76.90	1.59%	1.17	4.11
EIB	22.90	5.29%	0.52	1.86
VRE	27.65	3.56%	0.52	2.27
TCB	30.80	0.98%	0.50	7.06
NVL	13.95	6.90%	0.44	1.95

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	38.90	-1.64%	-0.80	5.37
FPT	117.10	-1.10%	-0.44	1.47
HVN	39.00	-1.39%	-0.28	2.21
BSR	17.80	-1.93%	-0.25	3.10
GVR	29.40	-0.84%	-0.23	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	15.60	5.41%	0.29	0.54
IDC	43.90	2.09%	0.19	0.33
VCS	51.50	2.79%	0.15	0.16
DTK	12.70	2.42%	0.13	0.68
KSV	169.10	0.36%	0.08	0.20

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	28.50	-1.72%	-0.15	0.48
MBS	26.80	-0.74%	-0.07	0.57
SHS	13.30	-0.75%	-0.06	0.89
HUT	13.30	-0.75%	-0.06	0.89
PGS	30.20	-5.63%	-0.05	0.05

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTL	16.90	6.96%	0.03	6.49
L10	23.90	6.94%	0.00	0.01
NVL	13.95	6.90%	0.43	62.84
DXV	3.88	6.89%	0.00	0.10
HVH	14.75	6.88%	0.01	1.58

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VSC	21.95	-6.99%	-0.11	23.24
VRC	12.75	-5.56%	-0.01	0.01
SFC	19.85	-5.48%	0.00	0.00
NHT	10.50	-5.41%	0.00	0.00
TLD	7.24	-4.61%	-0.01	0.84

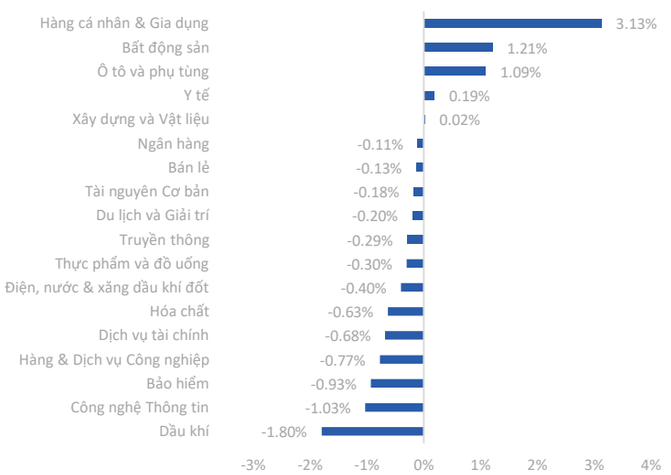
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MIC	21.00	9.95%	0.04	0.01
BPC	12.20	9.91%	0.02	0.00
MKV	10.40	9.47%	0.02	0.00
VHE	4.70	9.30%	0.05	0.68
PIC	24.90	9.21%	0.29	0.00

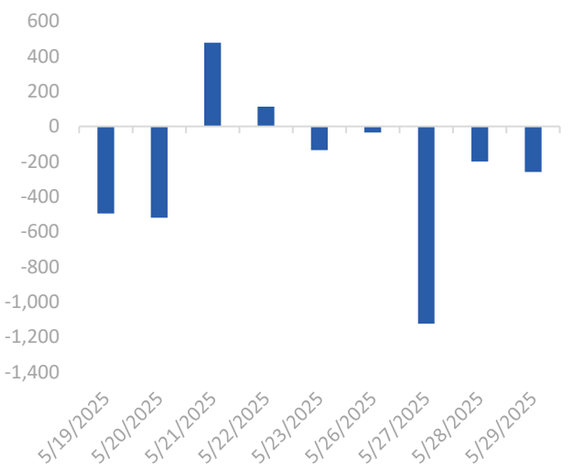
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QTC	14.60	-9.88%	-0.01	0.00
VLA	10.20	-9.73%	-0.02	0.00
VC1	9.20	-8.91%	-0.04	0.00
NBP	11.00	-8.33%	-0.04	0.02
HKT	8.10	-7.95%	-0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.3	-0.2%	1.4	95,095	505.1	2,980	21.6		48.0%	
KBC	Bất động sản	27.0	0.2%	1.7	20,687	273.2	1,629	16.6		17.5%	
KDH	Bất động sản	29.7	0.9%	1.2	30,031	135.4	896	33.1		36.1%	
PDR	Bất động sản	17.6	1.5%	1.7	15,922	256.4	180	97.4	23,600	10.8%	Link
VHM	Bất động sản	76.9	1.6%	1.1	315,860	599.9	7,766	9.9	58,200	11.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	117.1	-1.1%	1.1	173,464	345.3	5,615	20.9	136,500	41.1%	Link
BSR	Dầu khí	17.8	-1.9%	0.0	55,189	32.8	(37)	-484.2		0.3%	
PVS	Dầu khí	28.5	-1.7%	1.3	13,622	101.0	2,303	12.4	40,300	15.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.6	-1.4%	1.7	18,431	226.2	1,394	18.4		39.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.5	-0.8%	1.5	46,104	351.9	1,546	15.2		34.4%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.2	-1.1%	1.5	25,959	269.5	1,602	22.6		30.2%	
DCM	Hóa chất	33.6	-0.9%	1.7	17,788	70.4	2,805	12.0	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	89.5	-1.3%	1.5	33,990	105.1	8,224	10.9	108,500	15.0%	Link
ACB	Ngân hàng	21.3	-0.5%	0.8	109,411	198.1	3,224	6.6	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	36.5	-0.1%	1.0	255,929	109.9	3,643	10.0	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	38.9	-1.6%	0.9	208,893	294.0	4,806	8.1	50,000	27.1%	Link
HDB	Ngân hàng	22.1	-0.9%	0.9	77,066	306.1	3,985	5.5		16.8%	
MBB	Ngân hàng	24.5	-0.4%	0.9	149,506	316.0	4,049	6.1	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.7	0.4%	1.2	30,420	161.1	2,150	5.4	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	41.3	0.6%	0.9	77,859	302.7	5,767	7.2		21.3%	
TCB	Ngân hàng	30.8	1.0%	1.1	217,597	607.0	3,013	10.2	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.4	0.4%	1.0	35,402	94.0	2,383	5.6	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	56.7	-0.2%	0.5	473,767	245.3	4,063	14.0	69,200	22.2%	Link
VIB	Ngân hàng	18.3	-0.8%	0.8	54,518	66.3	2,400	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.2	0.8%	1.0	144,001	852.1	2,030	8.9	24,000	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.6	-0.2%	1.1	163,424	423.2	1,954	13.1	35,800	22.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.3	-0.9%	1.5	10,122	80.3	749	21.8	16,800	8.7%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.2	-0.4%	1.9	9,438	174.3	3,930	7.2	32,200	2.7%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	63.4	-0.8%	1.4	91,191	247.4	1,518	41.8		24.7%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	55.1	-0.2%	0.5	115,157	161.8	4,194	13.1		48.5%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	33.5	0.30%	1.9	7,342	39.7	2,098	16.0	18.7%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	167.5	0.00%	1.2	22,821	68.5	3,279	51.1	32.6%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	51.6	-1.53%	1.1	38,304	16.0	2,975	17.3	27.1%	9.7%	
DIG	Bất động sản	16.4	2.26%	1.5	10,602	281.3	303	54.1	3.7%	2.5%	
DXG	Bất động sản	18.1	0.00%	1.5	15,719	365.9	372	48.5	24.0%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	25.6	6.67%	1.4	4,566	212.7	436	58.7	3.0%	3.4%	
HDG	Bất động sản	27.0	0.37%	1.5	9,064	87.7	839	32.1	19.7%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	43.9	2.09%	1.4	14,487	86.0	4,982	8.8	17.1%	31.2%	
NLG	Bất động sản	38.4	3.65%	1.6	14,768	238.1	1,827	21.0	43.2%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	71.0	3.65%	0.0	14,948	53.8	6,076	11.7	4.8%	29.7%	
SZC	Bất động sản	35.3	0.86%	1.7	6,345	115.2	2,036	17.3	2.5%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	20.1	2.82%	1.7	13,398	210.5	1,279	15.7	9.8%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	97.0	0.00%	1.1	370,895	463.8	2,823	34.4	7.8%	8.0%	
VRE	Bất động sản	27.7	3.56%	1.2	62,830	441.2	1,844	15.0	18.5%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	34.3	-0.58%	1.2	7,248	21.2	1,654	20.7	36.1%	12.5%	
PLX	Dầu khí	34.9	-1.69%	1.0	44,344	44.1	1,535	22.7	17.3%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	18.8	-1.57%	1.5	10,451	96.1	1,246	15.1	7.4%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.3	-1.89%	2.0	12,215	129.8	1,650	22.0	27.9%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.8	-0.74%	1.8	15,351	74.8	1,650	16.2	6.9%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.0	-0.16%	0.8	149,931	43.0	4,543	14.1	1.8%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.3	-1.48%	1.0	31,147	100.4	546	24.4	3.6%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.4	-1.38%	1.0	33,630	40.1	4,511	15.8	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	87.5	-0.57%	0.6	47,391	146.9	2,783	31.4	12.3%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35.8	0.85%	1.7	32,306	778.0	1,954	18.3	8.6%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.5	-0.66%	1.2	25,422	187.2	3,797	15.9	39.8%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	80.4	-0.12%	1.3	10,444	203.9	5,594	14.4	11.5%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.4	-0.44%	1.4	7,975	34.5	3,026	7.4	10.6%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	109.5	-0.09%	0.0	13,335	36.9	3,235	33.9	6.0%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	84.0	5.93%	1.0	28,384	196.6	6,105	13.8	48.7%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	34.6	-0.14%	1.1	3,519	88.2	2,869	12.0	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.5	2.09%	1.3	2,391	23.7	2,580	7.6	16.3%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	33.7	-0.88%	1.4	13,188	79.2	1,223	27.6	8.4%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	29.4	-0.84%	2.3	117,600	128.7	1,174	25.0	0.8%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	22.9	5.29%	1.0	42,656	527.3	1,856	12.3	4.3%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	32.0	0.16%	0.7	95,593	49.5	3,333	9.6	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.2	-0.58%	0.0	23,539	30.6	2,809	6.1	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.8	-0.46%	1.0	26,631	20.6	1,189	9.1	19.2%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.2	0.77%	1.4	5,886	103.0	1,122	11.7	5.3%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.9	0.63%	1.6	4,220	23.6	612	25.9	0.8%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.3	-0.14%	0.8	10,732	104.9	1,424	24.8	2.6%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.3	-0.40%	1.2	63,166	43.3	3,217	15.3	59.2%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.7	1.41%	1.4	12,951	67.1	5,567	10.4	22.6%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	138.3	-1.50%	1.0	11,321	26.1	13,288	10.4	85.8%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.3	-0.36%	1.4	8,224	92.4	3,238	25.4	48.4%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	93.4	0.11%	1.6	10,684	29.1	4,754	19.7	8.9%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	66.8	-0.60%	1.5	4,208	120.5	3,738	17.9	8.9%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.3	-0.81%	1.5	5,827	73.1	1,096	11.2	7.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.6	-0.88%	1.5	8,083	57.2	1,237	18.3	16.7%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.3	0.23%	1.5	13,319	258.0	988	22.5	6.5%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.3	0.56%	1.6	20,288	52.3	2,720	16.6	5.7%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: **http://www.bsc.com.vn**